

Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam (VSIC) được ban hành vào năm 1993 theo Nghị định 75/CP ngày 7/10/1993 của Chính phủ. Đến năm 2007, VSIC được thay đổi theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 (Quyết định 10), về cơ bản đã phù hợp với sự vận động, phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, sát với tiêu chuẩn quốc tế, là chuẩn mực quan trọng trong các công tác thống kê, phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam.

1. Thực trạng phân ngành kinh tế trong hệ thống ngân hàng

Với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), để quản lý tốt hoạt động ngân hàng, luôn phải làm tốt công tác tổ chức thống kê và thu thập thông tin về kinh tế, tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Theo đó, trong từng thời kỳ NHNN đã chủ động thực hiện quy định của Chính phủ về tổ chức cơ sở dữ liệu. NHNN đã ban hành các chế độ báo cáo thống kê áp dụng cho các đơn vị thuộc NHNN và các tổ chức tín dụng (TCTD) về ngành kinh tế như Quyết định số 477/2004/QĐ-NHNN, Thông tư 21/2010/TT-NHNN, Thông tư 31/2013/TT-NHNN. Các quy định này về phân ngành kinh tế đều thống nhất với hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. Gần đây nhất là Thông tư 31/2013/TT-NHNN đã tham chiếu phân ngành kinh tế tại phụ lục 5 bảng 1 của Thông tư 31 bao gồm 21 ngành, đây cũng chính là 21 ngành từ A đến U của VSIC 2007. Ngoài ra,

* Phó Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam

BÀN VỀ PHÂN NGÀNH KINH TẾ TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM

TS. Nguyễn Hữu Dương *

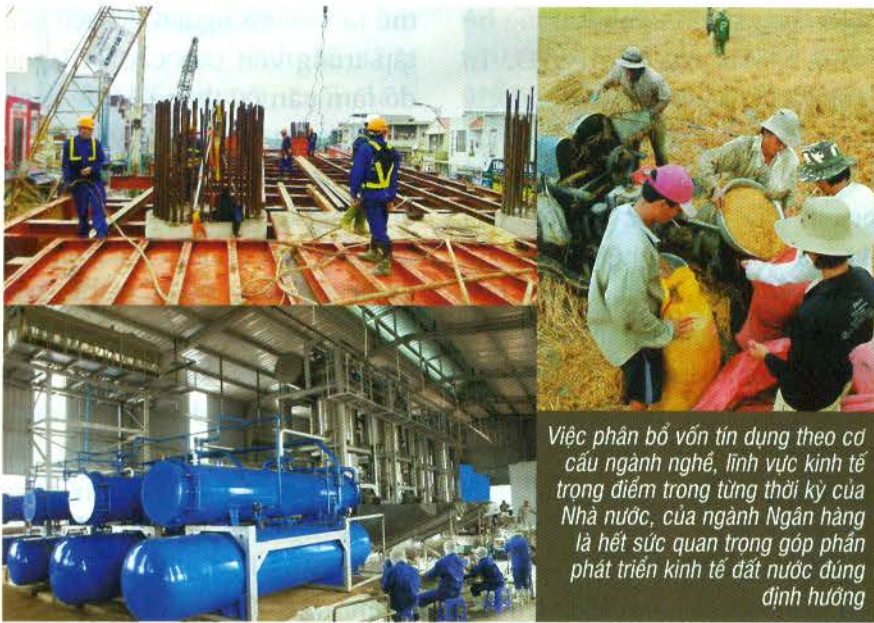
NHNN còn quy định các TCTD thực hiện thống nhất phân ngành kinh tế đến cấp 5 trong quy định báo cáo thống kê áp dụng cho các đơn vị thuộc NHNN và các TCTD.

Việc phân bổ vốn tín dụng theo cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực kinh tế trọng điểm trong từng thời kỳ của Nhà nước, của ngành Ngân hàng là hết sức quan trọng, góp phần phát triển kinh tế đất nước đúng định hướng. Về phía TCTD, việc phân bổ tín dụng nếu quá dàn trải hoặc quá tập trung vào một số lĩnh vực nào đó trong cùng một thời điểm cũng dễ gây ra rủi ro. Xuyên suốt hoạt động tín dụng của TCTD từ việc ban hành chính sách, quản trị rủi ro tín dụng, báo cáo thống kê đều dựa trên phân loại doanh nghiệp (DN) theo ngành kinh tế. Tuy nhiên, theo cách phân ngành này, các TCTD đang gặp một số vướng mắc như sau:

Một là, ngành cấp 1 của VSIC 2007 chưa phù hợp để các TCTD thực hiện để phân ngành kinh tế. Việc đưa toàn bộ ngành A (Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) hay ngành C (Công nghiệp chế biến, chế tạo), ngành G (Bán buôn và Bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), ngành H (Vận tải kho bãi) vào một ngành cấp 1 cho thấy cách theo dõi phân bổ vốn quá bao quát, đan xen dẫn đến rất khó để phân định ranh giới giữa các ngành này. Mặt khác, một số ngành trong điều kiện của Việt

Nam là chưa thực sự cần thiết phải quản lý vốn như ngành E (Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải), ngành N (Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ), ngành O (Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc); ngành U (Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế).

Hai là, ngành kinh tế cấp 2,3,4 có kết cấu và nội dung phân tích chưa thật sự phù hợp trong hoạt động ngân hàng. Có nhiều ngành kinh tế chỉ dừng lại ở cấp 2, không được chi tiết đến cấp 3, 4. Và có những ngành chỉ dừng lại ở cấp 1 nhưng lại có mã chi tiết đến tận cấp 5 như ngành R (Nghệ thuật, vui chơi và giải trí). Các mã ngành cấp 3 chưa được sắp xếp theo tính chất và đặc điểm của từng hoạt động sản xuất kinh doanh, ví dụ cùng một DN có thể làm từ khâu khai thác, nuôi trồng chế biến hải sản tuy nhiên cách phân ngành của Quyết định 10 lại đang tách ra thành 3 mã. Do đó, rất khó để hiểu và phân ngành kinh tế cho DN. Trong hoạt động của các TCTD cần thiết phải nhóm gộp các mã ngành cấp 3 này theo quy trình sản xuất kinh doanh của DN và theo tính cùng tính chất của sản phẩm. Thực tế trên 50% DN có đăng ký hoạt động kinh doanh bao phủ ở nhiều hơn một mã cấp 3 mà không thể đưa vào chi tiết được mã cấp 3 nào.



Việc phân bổ vốn tín dụng theo cơ cấu ngành nghề, lĩnh vực kinh tế trọng điểm trong từng thời kỳ của Nhà nước, của ngành Ngân hàng là hết sức quan trọng góp phần phát triển kinh tế đất nước đúng định hướng

Mặt khác, số liệu thống kê các DN vay vốn tại các TCTD chỉ có từ vài trăm đến vài nghìn DN, chỉ có những TCTD lớn như Vietcombank, BIDV, Vietinbank, Agribank mới có được dữ liệu của khoảng trên một nghìn DN trở lên trong một năm tài chính (từ 4 đến 10 nghìn DN). Như vậy, các TCTD không thể quản lý các DN đến từng tiểu ngành, và cơ sở dữ liệu về các DN để tính toán, thống kê như bộ chỉ số trung bình ngành sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Wướng mắc trong phân ngành kinh tế như trên dẫn đến những bất cập trong thực trạng phân bổ và quản lý rủi ro tín dụng của các TCTD như sau:

Thứ nhất, về phân bổ vốn theo ngành kinh tế:

Danh mục cho vay theo ngành trong các báo cáo cho vay thu nợ, báo cáo thông tin tín dụng, báo cáo thường niên... của các TCTD hiện nay đang rất khác nhau. Điều này không những ảnh hưởng đến công tác thống kê của NHNN mà còn khiến cho các DN, nhà đầu tư, rất khó để so sánh hiệu quả hoạt động,

danh mục đầu tư vốn... của các TCTD. Điển hình như khi lập báo cáo thường niên, phần thuyết minh báo cáo là phần được quan tâm nhất thì các TCTD hiện nay đang phân tích dư nợ cho vay theo các tiêu chí về ngành nghề rất khác nhau. Ví dụ như Vietinbank và Techcombank thì thống kê dư nợ theo 21 ngành cấp 1 của Quyết định 10, trong khi đó Vietcombank, ACB lại chỉ thống kê đối với một số ngành nghề chính như xây dựng, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước; sản xuất và gia công chế biến; thương mại và dịch vụ... Agribank thì bỏ qua thống kê danh mục cho vay theo ngành nghề. Do đó, dưới góc độ cơ quan quản lý NHNN chưa có được thống kê chi tiết về dư nợ nền kinh tế theo ngành nghề tại báo cáo thường niên qua các năm.

Thứ hai, các TCTD đang thực hiện phân ngành kinh tế khác nhau trong hệ thống xếp hạng tín dụng (XHTD) nội bộ:

Hầu hết các TCTD lớn tại Việt Nam đã nhận thức được tầm quan trọng của XHTD, chủ động nghiên cứu triển khai nghiệp vụ

XHTD trong hoạt động tín dụng. Kết quả XHTD tại một số ngân hàng đã được sử dụng để xuất cấp tín dụng và đưa ra chính sách lãi suất với khách hàng (trên cơ sở chấm điểm tín dụng dựa trên tính chất tài sản bảo đảm, hạng rủi ro tín dụng của khách hàng, mức độ rủi ro của ngành hàng). Một số TCTD đã được NHNN phê duyệt hệ thống XHTD nội bộ và cho phép thực hiện phân loại nợ theo định tính. Nhờ đó, việc quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả hơn, khả năng phòng ngừa rủi ro tín dụng cũng được cải thiện và dần tiệm cận với thông lệ quốc tế.

Trong quy trình XHTD, để đánh giá khách hàng thì sau khi phân loại các khách hàng theo ngành nghề, các khách hàng này sẽ được tính quy mô và mỗi một ngành sẽ có 3 quy mô (lớn, bình và nhỏ). Khi đã xác định được quy mô và ngành của DN thì các tổ chức đánh giá sẽ thực hiện việc chấm điểm khách hàng theo các bộ chỉ tiêu của ngành và quy mô đó.

Để việc chấm điểm các chỉ tiêu này được tiến hành đơn giản thì các tổ chức đánh giá đã sử dụng phương pháp thống kê để đưa các bộ chỉ số trung bình ngành cho từng chỉ tiêu trong từng thời kỳ.

Khi thực hiện chấm điểm DN, các tổ chức thực hiện XHTD thực hiện đối chiếu, so sánh các giá trị của DN này với các giá trị trung bình của những DN cùng ngành, cùng quy mô để đưa ra điểm số XHTD cho DN. Phân ngành kinh tế là một bước quan trọng trong quy trình XHTD nội bộ của các TCTD. Bước này sẽ quyết định đến toàn bộ từ quy mô, đánh giá các chỉ tiêu tài chính, phi tài chính của khách hàng.

Để có thể phân định ngành kinh doanh của DN, ngay từ khâu thu thập thông tin, các TCTD đã phải xác định hoạt động chính của DN. Đặc trưng của mỗi ngành nghề khác nhau về chu kỳ kinh doanh, về triển vọng tăng trưởng, về mức vốn đầu tư, cơ cấu chi phí, khả năng sinh lời, khả năng cạnh tranh, sản phẩm thay thế... Với những ngành nghề khác nhau thì đặc trưng của từng ngành đó là khác nhau, cho nên đối với các chỉ tiêu tài chính thì mỗi ngành cũng có những mức chuẩn khác nhau, có những ngành coi trọng chỉ tiêu này nhưng lại có những ngành coi trọng chỉ tiêu khác (ví dụ như những ngành công nghiệp thì coi trọng các chỉ tiêu phân tích năng lực tài sản, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho... trong khi các ngành thương mại dịch vụ lại coi trọng những chỉ tiêu liên quan đến hiệu quả sử dụng vốn ngắn hạn). Do đó, không thể áp dụng chuẩn của ngành nghề này vào ngành nghề khác và trong phân tích báo cáo tài chính DN, không thể áp dụng phân tích, chú trọng tất cả các chỉ tiêu như nhau ở mọi ngành nghề.

Tuy nhiên, hiện nay ở các TCTD của Việt Nam có cách phân ngành kinh tế chưa đồng nhất. Vietcombank định nghĩa và phân loại lại thành 52 ngành kinh tế đối với DN; Vietinbank cũng xây dựng một hệ thống XHTD và phân thành 34 nhóm ngành kinh tế; BIDV xây dựng một hệ thống XHTD và phân thành 37 ngành kinh tế, Agribank phân loại khách hàng DN theo 34 ngành kinh tế. Đây có lẽ là những bất cập trong cách định nghĩa khách hàng ngay từ bước đánh giá khách hàng đã

chưa thực sự đồng nhất trong hệ thống XHTD của các TCTD. Từ những bất cập hiện nay trong xây dựng hệ thống XHTD nội bộ chưa có một quy định thống nhất về ngành dẫn đến các TCTD chưa đưa ra được tiêu chuẩn, phương pháp để tính toán các bộ chỉ tiêu trung bình ngành dẫn đến việc đánh giá phân loại nợ khách hàng theo định tính của các TCTD không đồng nhất, cho những kết quả khác nhau.

CÁN CỐ GIẢI PHÁP

Ở góc độ điều hành của NHNN, việc quản lý hoạt động của các TCTD một cách hiệu quả, trong đó có việc đưa ra những công cụ quản lý thống nhất, như ban hành các văn bản có tính chất hướng dẫn, định hướng là vô cùng quan trọng. NHNN cần phải xây dựng hệ thống phân ngành có tính chất bao quát, phản ánh mối quan hệ giữa các nguồn vốn trong nền kinh tế. Tuy nhiên, NHNN không thể đưa ra những tiêu chí thống kê về ngành kinh tế quá dàn trải tránh việc lãng phí và không tập trung. Mặt khác, NHNN cũng không thể đưa ra những tiêu chí chung chung không có sự phân biệt. Việc đưa ra được yêu cầu phân ngành như thế nào phải xuất phát từ yêu cầu thực tiễn quản lý điều hành hoạt động của các TCTD. Tuy nhiên, mỗi một TCTD lại có những đặc thù hoạt động khác nhau, chính sách tín dụng khác nhau, NHNN dưới góc độ tổng hợp dữ liệu, phân tích và quản lý cần có những nguyên tắc, định nghĩa về phân ngành kinh tế rõ ràng trong đó có các quy định về phân loại, nhóm gộp các ngành như thế nào là vô cùng quan trọng.

Do đó, NHNN cần có những nghiên cứu khảo sát dữ liệu cụ

thể tại nơi có nguồn dữ liệu lớn, tập trung vốn của các TCTD từ đó làm căn cứ thống kê để đánh giá và đưa ra một quy định cụ thể hơn về phân ngành kinh tế cho các TCTD.

Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC) là tổ chức sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN Việt Nam, thực hiện chức năng đăng ký tín dụng quốc gia; thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân tích thông tin tín dụng; phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng; chấm điểm, XHTD và thể hiện trên lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho yêu cầu quản lý Nhà nước của NHNN; cung ứng sản phẩm dịch vụ thông tin tín dụng theo quy định của NHNN và của pháp luật.

CIC là đơn vị có những ưu điểm về dữ liệu, đồng thời CIC cũng có các phân tích dữ liệu, đánh giá XHTD DN nên có cơ sở dữ liệu đủ lớn để phân tích cơ sở dữ liệu của các TCTD để từ đây đưa ra các nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống ngành kinh tế áp dụng riêng trong hoạt động ngân hàng. CIC - NHNN cần có những nghiên cứu cụ thể xuất phát từ cơ sở dữ liệu hiện có tại CIC để đưa ra quy định cụ thể rõ ràng hơn, thuyết phục các TCTD sử dụng đồng bộ hệ thống phân ngành kinh tế đối với hoạt động ngân hàng. Từ đây các khái niệm, mã hoá đồng nhất về phân ngành kinh tế sẽ là giải pháp cho các TCTD có quy định thống nhất trong toàn hệ thống. Các TCTD cũng đồng thời cần có văn bản hướng dẫn chi tiết hơn để các chi nhánh chuẩn hóa trong cách hiểu và thực hiện nghiệp vụ phân tích và XHTD nội bộ cũng như báo cáo thông tin tín dụng trong toàn bộ hệ thống. ■